TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 21/2025/HNGĐ-ST Ngày: 31-7-2025 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

Ông Nguyễn Văn Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1988; cư trú tại: Số A, Đường C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990; cư trú tại: Số B, đường C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D1 và chị Nguyễn Thị Thùy T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, ngày 25 tháng 9 năm 2019.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân

chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt. Anh Duy đã nhiều lần nhẫn nhịn, cố gắng chịu đựng để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Anh D1 nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên anh D1 yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh D1 và chị T chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D1 và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn hôn: Chị T thống nhất với anh Nguyễn Minh D về quá trình chung sống, việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2019; đồng thời chị T cũng thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, chị T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh D chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 28 tháng 5 năm 2025, chị T có đơn đề nghị Tòa án không ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh D vắng, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16 tháng 4 năm 2025, anh Nguyễn Minh D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T nên đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh D1 và chị T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2019, tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, ngày 25

tháng 9 năm 2019. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa anh D1 và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; do đó hôn nhân giữa anh D1 và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, anh D1 xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; anh D1 đã nhiều lần nhẫn nhịn, cố gắng chịu đựng để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả; hiện nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thống nhất với lời trình bày của anh D1 về quá trình chung sống, việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với anh D1 nên ngày 26 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa anh D1 và chị T. Tuy nhiên ngày 28 tháng 5 năm 2025, chị T làm đơn thay đổi thỏa thuận với lý do chưa thống nhất giữa anh D1 và chị T về phần tài sản chung. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của anh D1 cũng như chị T thì hiện nay anh D1 và chị T không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đồng thời có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa anh D1 và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh D1, cho anh D1 được ly hôn với chị T.

Đối với ý kiến của chị T về việc giữa anh D1 và chị T chưa thống nhất được với nhau về phần tài sản chung nên chị T không đồng ý ly hôn nữa. Xét thấy, theo đơn khởi kiện thì anh D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét giải quyết phần tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án, nhưng chị T vẫn không thực hiện quyền được phản tố của mình. Do đó, trường hợp anh D1 và chị T không thể thỏa thuận được với nhau về phần tài sản chung và nợ chung thì một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật.

[2.2] *Về con chung*: Anh D1 và chị T chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh D1 và chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Duy phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh D về việc "Ly hôn" với bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Minh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Minh D và chị Nguyễn Thị Thùy T chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Nguyễn Minh D và chị Nguyễn Thị Thùy T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Minh D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001979 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15);
- UBND phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng